

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HS-ST
Ngày 04 - 4 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thái Sơn.

Thẩm phán: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Tý; Bà Đặng Hồng Luyến; Bà Lê Kim Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái – Kiểm sát viên; Ông Trần Vũ Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn G, sinh năm 1976, tại huyện V, tỉnh H; nơi cư trú: ấp Vĩnh Hiếu, xã V, huyện T, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị T; có vợ là Lê Thị Y và 02 người con (lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2005); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: chưa vi phạm pháp luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 06/6/2022, ngày 09/6/2022 chuyển tạm giam đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hậu Giang; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Văn Độ. Là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Trần Độ, Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Trương Quốc H, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Khu vực 3, phường I, thành phố V, tỉnh H; vắng mặt.

2. Bà Thạch Thị Mỹ Nh, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Ấp 5, xã Vĩnh T, huyện Vị T, tỉnh H; có mặt.

3. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Ấp Phú Yên, xã Tân P, huyện T, tỉnh V; có mặt.

4. Ông Nguyễn Tấn M, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Ấp 13, xã P, thị xã G, tỉnh B; có mặt.

5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Ấp An Phú, xã A, huyện C, tỉnh Đ; có mặt.

6. Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Ấp Thạnh Mỹ A, xã B, huyện P, tỉnh H; vắng mặt.

7. Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Ấp 4, xã H, huyện P, tỉnh H; có mặt.

8. Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Ấp 6, xã H, huyện P, tỉnh H; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường T, quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Phước G. Là đại diện theo ủy quyền.
Theo văn bản số 98/GUQ-NHNo. VT- KHKD ngày 24 tháng 02 năm 2023.

Địa chỉ: Số 11, đường Ngô Quốc Trị, ấp 3, thị trấn N, huyện V, tỉnh H; có mặt.

2. Ông Phạm Văn M, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Ấp Trường Thắng, xã T, huyện C, tỉnh H; có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Ấp 2, xã V, huyện V, tỉnh H; có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Ấp 2, xã V, huyện V, tỉnh H; có mặt.

5. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Ấp Vĩnh Hiếu, xã Vĩnh T, huyện Vị T, tỉnh Hậu G; vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Ấp Vĩnh Hiếu, xã Vĩnh T, huyện Vị T, tỉnh Hậu G; vắng mặt.

7. Ông Thạch G, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Ấp 5, xã V, huyện V, tỉnh Hậu G; có mặt.

8. Bà Võ Thị Thanh Đ, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Ấp An Phú, xã A, huyện C, tỉnh Đ; có mặt.

9. Ông Trần Quốc Tr, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã V, huyện T, tỉnh Hậu G; vắng mặt.

10. Bà Hồ Thị X, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Ấp 4, xã H, huyện P, tỉnh H; có mặt.

11. Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Ấp Vĩnh Hiếu, xã V, huyện V, tỉnh Hậu G; vắng mặt.

12. Ông Lê Văn U, sinh năm 1949.

Nơi cư trú: Ấp Vĩnh Hiếu, xã V, huyện V, tỉnh H; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Sơn Công Th, sinh năm 1969; vắng mặt.

2. Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1972; có mặt.

3. Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1979; vắng mặt.

4. Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; vắng mặt.

5. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1986; vắng mặt.

6. Quách Văn D, sinh năm 1971; vắng mặt.

7. Lê Văn C, sinh năm 1963; vắng mặt.

8. Lê Văn Mười H, sinh năm 1968; vắng mặt.

9. Lê Hoàng Đ, sinh năm 1994; vắng mặt.

10. Lê Quốc V, sinh năm 1965; vắng mặt.

11. Lê Văn R, sinh năm 1966; vắng mặt.

12. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957; vắng mặt.

13. Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1970; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2018 đến trước thời điểm vụ lúa hè thu năm 2021, bị cáo Nguyễn Văn G (về sau viết tắt là bị cáo) thực hiện việc vựa lúa gạo để bán và cho thuê máy cắt lúa bị thua lỗ nên đã nảy sinh ý định gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Từ đó, bị cáo đưa ra thông tin gian dối để lừa chiếm đoạt của 08 bị hại với tổng số tiền 1.158.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi tám triệu đồng), cụ thể như sau:

1. Ông Trương Quốc H, cư trú tại khu vực 3, Phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Bị cáo nói với ông H đã bao tiêu lúa của nông dân tại cánh đồng thuộc xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang nhằm tạo sự tin tưởng để ông H mua lúa. Do có quen biết từ trước và thấy bị cáo có thực hiện công việc mua bán lúa nên ngày 09/3/2021 âm lịch (nhằm ngày 20/4/2021 dương lịch) ông H đã ký kết hợp đồng mua bán lúa tươi với bị cáo tại nhà của bị cáo, thuộc ấp Vĩnh Hiếu, xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Sau khi ký hợp đồng, ông H đưa trước tiền cọc cho bị cáo 250.000.000 đồng. Quá trình ký kết không có người chứng kiến và bị cáo cũng không dẫn ông H đi xem lúa. Nội dung hợp đồng: Bị cáo bán cho ông H lúa tươi với số lượng 600 công tại xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (gần nhà bị cáo và gần nhà cha vợ bị cáo) giống lúa OM18 và OM 5451. Thời hạn giao lúa vào ngày 10/6/2021 âm lịch (nhằm ngày 19/7/2021 dương lịch) và thỏa thuận đến thời điểm thu hoạch giá lúa 5.000 đồng/ký, bị cáo sẽ bán lại cho ông H với giá 4.900 đồng/ký để ông H được hưởng chênh lệch giá 100 đồng/kg.

Đến ngày 28/5/2021 âm lịch (nhằm ngày 07/7/2021 dương lịch), ông H hỏi bị cáo về việc giao lúa. Do không bao tiêu lúa từ nông dân nên bị cáo không giao được lúa cho ông H. Sau đó, ông H tìm gặp bị cáo để đòi tiền, lúc này bị cáo viết giấy đưa ông H với nội dung: Bị cáo có nhận tiền cọc của ông H với số tiền 250.000.000 đồng, cam kết ngày 29/5/2021 âm lịch (nhằm ngày 08/7/2021 dương lịch) sẽ trả cho ông H số tiền 150.000.000 đồng và ngày 09/6/2021 âm lịch (nhằm ngày 18/7/2021 dương lịch) trả số tiền 100.000.000 đồng. Và sau đó bị cáo đã trả lại cho ông H tổng số tiền 250.000.000 đồng. Quá trình điều tra, ông Trương Quốc H không yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

2. Bà Thạch Thị Mỹ Nh, cư trú tại ấp 5, xã V, huyện T tỉnh H. Khoảng đầu tháng 6/2021 âm lịch, bị cáo liên hệ ông Thạch G (chồng của bà Nh) nói đã bao

tiêu lúa tại cánh đồng lúa khu vực Cầu Giải Phóng, thuộc ấp 2, xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Sau đó, bà Nh và ông Sơn Công Th (anh rể của bà Nh) đến gặp bị cáo tại cầu Giải Phóng để thỏa thuận mua bán lúa. Tại đây, bị cáo nói đã mua lúa của nông dân và dẫn bà Nh, ông Th đi xem lúa. Sau đó, bà Nh đồng ý mua nên ngày 11/6/2021 âm lịch (nhằm ngày 20/7/2021 dương lịch) bị cáo và bà Nh ký kết hợp đồng mua bán lúa vụ hè thu 2021. Bà Nh đã đưa trước 60.000.000 đồng tiền cọc cho bị cáo. Việc ký hợp đồng và giao nhận tiền được thực hiện tại quán nước đầu kênh Giải Phóng (không nhớ tên quán nước, địa chỉ cụ thể) có sự chứng kiến của ông Th. Nội dung hợp đồng: Bị cáo bán cho bà Nh lúa tươi với số lượng 210 công đất tại kênh Giải Phóng, thuộc xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, giống lúa OM18, thời hạn giao lúa là ngày 19 hoặc ngày 20/6/2021 âm lịch (nhằm ngày 28 hoặc 29/7/2021 dương lịch) với giá bán là 6.000 đồng/ký. Đến hạn, do bị cáo không mua lúa từ nông dân và đã tiêu xài hết số tiền nhận đặt cọc vào mục đích cá nhân nên không giao được lúa cho bà Nh. Ngày 17/7/2021 âm lịch (nhằm ngày 24/8/2021 dương lịch) và ngày 01/8/2021 âm lịch (nhằm ngày 07/9/2021 dương lịch) bị cáo đã viết 02 tờ giấy xác nhận số tiền nợ bà Nh là 60.000.000 đồng và cam kết sẽ trả cho bà Nh nhưng vẫn không thực hiện. Quá trình điều tra, bà Thạch Thị Mỹ Nh yêu cầu bị cáo có trách nhiệm trả lại số tiền **60.000.000 đồng** và yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

3. Bà Phạm Thị H, cư trú ấp Phú Yên, xã T, huyện B, tỉnh V. Thông qua ông Đinh Văn A nên bà H biết và liên hệ bị cáo hỏi mua lúa. Từ đây, bị cáo nói đã mua lúa của người dân tại cánh đồng gần kênh xáng Mộ Hai, thuộc ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Ngày 26/5/2021 âm lịch (nhằm ngày 05/7/2021 dương lịch), sau khi dẫn bà H và ông A đi xem cánh đồng lúa này, bị cáo và bà H đã ký kết hợp đồng mua bán lúa tươi vụ hè thu 2021. Bà H đưa trước 60.000.000 đồng tiền cọc cho bị cáo. Nội dung hợp đồng: Bị cáo bán cho bà H lúa tươi với số lượng 135 tấn (tương đương 300 công), giống lúa OM18, thời hạn cắt lúa vào ngày 06/6/2021 âm lịch (nhằm ngày 15/7/2021 dương lịch), thời gian giao lúa vào ngày 07/6/2021 âm lịch (ngày 16/7/2021 dương lịch), giá bán là 6.200 đồng/ký. Đến ngày 07/7/2021 dl, bà H tiếp tục chuyển khoản cho bị cáo số tiền 20.000.000 đồng để mua thêm 45 tấn lúa OM18, với giá 6.200 đồng/kg. Đến ngày giao lúa, do bị cáo không mua lúa của nông dân và đã tiêu xài hết số tiền nhận đặt cọc vào mục đích cá nhân nên không giao được lúa cho bà H. Quá trình điều tra, bà Phạm Thị H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền **80.000.000 đồng**.

4. Ông Nguyễn Tấn M, cư trú ấp 13, xã P, thị xã G, tỉnh B. Thông qua ông Trương Văn H nên ông M biết bị cáo và có liên hệ để hỏi mua lúa. Từ đây, bị cáo nói với ông M là bị cáo đã mua lúa của người dân tại cánh đồng gần Tiểu học Vĩnh Trung I, thuộc Ấp 7, xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (gần nhà ông

8 H nên người dân địa phương thường gọi là trường tiểu học Tám H). Ngày 26/5/2021 âm lịch (nhằm ngày 05/7/2021 dương lịch) bị cáo dẫn ông M và ông H đi xem lúa tại cánh đồng này và đã ký kết hợp đồng mua bán lúa tươi vụ hè thu 2021. Sau khi ký hợp đồng, ông M đưa trước 20.000.000 đồng tiền cọc cho bị cáo tại quán cà phê gần đó (không nhớ địa chỉ quán). Nội dung hợp đồng: Bị cáo bán cho ông M lúa tươi với số lượng 216 công, giống lúa OM18, giá 6.200 đồng/ký và 44 công giống lúa OM 5451, giá 5.750 đồng/ký, ngày 07/6/2021 và ngày 08/6/2021 âm lịch (nhằm ngày 17/7/2021 dương lịch) cắt lúa, đến ngày 08/6/2021 âm lịch (nhằm ngày 17/7/2021 dương lịch) giao lúa. Đến ngày giao lúa, do bị cáo không mua lúa của nông dân và đã tiêu xài hết số tiền nhận đặt cọc vào mục đích cá nhân nên không thực hiện được việc giao lúa cho ông M. Quá trình điều tra, ông Nguyễn Tấn M yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 70.000.000 đồng và yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

5. Ông Nguyễn Văn T, cư trú ấp An Phú, xã An K, huyện C, tỉnh Đ. Thông qua ông Nguyễn Văn Ch giới thiệu nên ông T biết và liên hệ với bị cáo hỏi mua lúa. Từ đây, bị cáo nói với ông T là đã mua lúa của người dân tại cánh đồng giáp Quốc lộ 61C theo hướng từ cầu 13.000 nhỏ về hướng Quốc lộ 61C, thuộc ấp 5, xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang và cánh đồng gần phía sau nhà của bị cáo, thuộc ấp Vĩnh Hiếu, xã V, huyện V, tỉnh H. Ngày 13/5/2021 âm lịch (nhằm ngày 22/6/2021 dương lịch), bị cáo dẫn ông T và ông Ch đi xem lúa tại cánh đồng này thì ông T đồng ý mua và giữa hai bên có ký kết 02 hợp đồng mua bán lúa tươi vụ hè thu 2021. Trong đó: Hợp đồng thứ nhất mua bán lúa tại cánh đồng giáp Quốc Lộ 61C, số lượng 230 công, giống lúa OM18, giá 5.900 đồng ký, ngày 26/5/2021 âm lịch (nhằm ngày 05/7/2021 dương lịch) cắt, ngày 27/5 2021 âm lịch (nhằm ngày 06/7/2021 dương lịch) giao lúa, ông T đặt cọc 69.000.000 đồng; Hợp đồng mua bán lúa thứ hai tại cánh đồng gần nhà bị cáo, số lượng 230 công, giống lúa OM18, giá 5.900 đồng/ký, ngày 06/6/2021 âm lịch (nhằm ngày 15/7/2021 dương lịch) cắt lúa, ngày 07/6/2021 âm lịch (nhằm ngày 16/7/2021 dương lịch) giao lúa, ông Tuấn đặt cọc 69.000.000 đồng (bị cáo nhận trước 38.000.000 đồng tiền cọc, sau đó vài ngày thì ông Ch có thay mặt ông T đưa thêm cho bị cáo số tiền 100.000.000 đồng, tổng cộng 138.000.000 đồng). Đến ngày 24/5/2021 âm lịch (nhằm ngày 03/7/2021 dương lịch) ông T và vợ là bà Võ Thị Thanh Đ đến gặp bị cáo để mua thêm lúa tươi với số lượng 500 công, giống lúa OM18, bị cáo tiếp tục nói đã mua lúa của nông dân ở cánh đồng gần kênh sáng Mộ H và dẫn vợ chồng ông T đi xem. Sau đó, ông T đồng ý mua thêm và đặt cọc cho bị cáo số tiền 150.000.000 đồng. Việc giao tiền và ký hợp đồng ở quán nước gần đó (không nhớ tên, địa chỉ). Theo nội dung hợp đồng: Bị cáo bán lúa với giá 6.000 đồng/ký, chia làm hai đợt, đợt 01 vào ngày 12/6/2021 âm lịch (nhằm ngày 21/7/2021 dương lịch)

cắt, ngày 13/6/2021 âm lịch (nhằm ngày 22/7/2021 dương lịch) giao lúa, số lượng 210 công; đợt hai vào ngày 17/6/2021 âm lịch (nhằm ngày 26/7/2021 dương lịch) cắt, ngày 18/6/2021 âm lịch (nhằm ngày 27/7/2021 dương lịch) giao lúa, số lượng 290 công. Tổng số tiền cọc bị cáo nhận của ông T là 288.000.000 đồng. Đến ngày giao lúa, do bị cáo không mua lúa từ nông dân và đã tiêu xài hết số tiền nhận đặt cọc vào mục đích cá nhân nên bị cáo không giao được lúa cho ông T. Ngày 01/6/2021 âm lịch (nhằm ngày 10/7/2021 dương lịch) bị cáo viết hai tờ giấy cam kết trả lại cho ông T tổng số tiền 288.000.000 đồng. Trong đó: ngày 06/6/2021 âm lịch (nhằm ngày 16/7/2021 dương lịch), cam kết trả 138.000.000 đồng và ngày 18/6/2021 âm lịch (nhằm ngày 27/7/2021 dương lịch) cam kết trả 150.000.000 đồng nhưng bị cáo vẫn chưa trả lại tiền như đã cam kết. Quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 288.000.000 đồng.

6. Ông Huỳnh Thanh T, cư trú ấp 4, xã H, huyện P, tỉnh H. Do có quen biết với nhau từ trước nên vào giữa tháng 01/2021 âm lịch ông T đã liên hệ bị cáo hỏi mua lúa tươi. Từ đây, bị cáo nói đã mua lúa của nông dân tại cánh đồng thuộc xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Đến ngày 29/01/2021 âm lịch (nhằm ngày 12/3/2021 dương lịch) tại nhà của ông T, thuộc ấp 4, xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang cả hai đã ký hợp đồng mua bán lúa tươi vụ hè thu 2021. Sau đó, ông T đưa trước 300.000.000 đồng tiền cọc. Nội dung hợp đồng: Bị cáo bán cho ông T lúa tươi với số lượng 1.000 công, giống lúa OM18, OM 5451 và 504, thỏa thuận 100 đồng giá (khi thu hoạch lúa giá 6.000 đồng/ký thì bị cáo bán lại cho ông T với giá 5.900 đồng/ký). Đến ngày giao lúa, do bị cáo không mua lúa từ nông dân và đã tiêu xài hết số tiền nhận đặt cọc vào mục đích cá nhân nên bị cáo không giao được lúa cho ông T. Sau đó, bị cáo đã trả lại cho ông T được 100.000.000 đồng, còn nợ lại ông T 200.000.000 đồng. Ngoài ra quá trình mua bán lúa, ông T trình bày đã cho bị cáo mượn 150.000.000 đồng đến nay bị cáo vẫn chưa trả lại. Số tiền này ông T thỏa thuận với người thân của bị cáo để giải quyết, nếu không thỏa thuận sẽ tiến hành khởi kiện dân sự, không yêu cầu giải quyết trong vụ án. Quá trình điều tra, ông Huỳnh Thanh T yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 270.000.000 đồng (bao gồm 200.000.000 đồng còn nợ và 70.000.000 đồng là lợi nhuận mà ông T được hưởng từ hợp đồng mua bán nói trên).

7. Ông Nguyễn Thành Nh, cư trú ấp Thạnh Mỹ A, xã B, huyện P, tỉnh H. Do cùng làm nghề môi giới mua bán lúa (cò lúa) nên ông Nh quen biết bị cáo. Ngày 11/9/2021 âm lịch (nhằm ngày 16/10/2021 dương lịch) ông Nh liên hệ hỏi mua lúa tươi thì bị cáo nói đã mua lúa của nông dân tại cánh đồng gần Kênh Giữa, thuộc địa phận ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang và dẫn ông Nh đi xem lúa. Sau khi ông Nh thống nhất mua lúa, bị cáo và ông Nh ký kết hợp đồng mua bán lúa tươi với nhau. Ông Nh đưa trước 40.000.000 đồng tiền cọc cho

bị cáo tại Quán nước ở gần địa điểm xem lúa (không nhớ tên quán và địa chỉ) với sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn Ng. Nội dung hợp đồng: Bị cáo bán cho ông Nh lúa tươi với số lượng 140 công, giống lúa OM18 giá 5.600 đồng/ký, cắt lúa ngày 22/9/2021 âm lịch (nhằm ngày 27/10/2021 dương lịch), giao lúa ngày 23/9/2021 âm lịch (nhằm ngày 28/10/2021 dương lịch). Đến ngày thu hoạch, do thực tế bị cáo không mua lúa từ nông dân và tiêu xài cá nhân hết số tiền nhận đặt cọc nên bị cáo không giao được lúa cho ông Nh. Quá trình điều tra, ông Nguyễn Thành Nh yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 40.000.000 đồng.

8. Ông Trần Văn Ch, cư trú ấp Sơn Trăng, xã Nh, huyện C, tỉnh T. Khoảng 6/2021 âm lịch, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông Ch nên đã liên hệ với ông Ch nói đã mua lúa vụ hè thu của nông dân tại cánh đồng gần lò heo quay Út Tèo, thuộc ấp 8, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Sau khi đồng ý mua lúa (thỏa thuận miệng), ông Ch đã đưa trước cho bị cáo 70.000.000 đồng tiền cọc bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng 02 lần thông qua số tài khoản 7003205151231 do bị cáo mở tại ngân hàng Agribank – Chi nhánh huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (lần thứ nhất vào ngày 29/6/2021 dương lịch, chuyển 50.000.000 đồng; lần thứ hai vào ngày 01/7/2021 dương lịch, chuyển 20.000.000 đồng). Theo nội dung thỏa thuận: Bị cáo bán cho ông Ch lúa tươi với số lượng 300 công, giống lúa Đài Thom giá 5.950 đồng/ký và lúa OM5451 giá 5.700 đồng/ ký. Do thực tế không mua lúa từ nông dân và đã tiêu xài hết số tiền nhận đặt cọc vào mục đích cá nhân nên bị cáo không giao được lúa cho ông Ch. Ngoài ra, bị cáo và ông Ch có làm ăn trước đó nên bị cáo còn nợ ông Ch số tiền 4.000.000 đồng. Đối với số tiền này, căn cứ vào kết quả điều tra xác định số tiền này không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên không xem xét xử lý. Ông Trần Văn Ch yêu cầu Nguyễn Văn G trả lại số tiền 74.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo đã thừa nhận đưa ra thông tin bao tiêu lúa từ nông dân là gian dối, thực tế không có thật, mục đích nhằm để các bị hại tin tưởng và đặt cọc tiền mua lúa, từ đó bị cáo chiếm đoạt tiêu xài mục đích cá nhân, cụ thể:

Trả tiền vay Ngân hàng T - chi nhánh huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang với số tiền 685.485.617 đồng vào ngày 24/11/2021. Trả tiền nợ cắt lúa cho máy cắt mà bị cáo còn nợ trước đó khoảng 40.000.000 đồng. Số tiền còn lại bị cáo tiêu xài cá nhân nhưng do thời gian đã lâu nên không còn nhớ rõ.

**** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:***

Các hợp đồng mua bán lúa và các giấy tờ có liên quan mà Cơ quan điều tra đã thu thập được lưu vào hồ sơ vụ án theo quy định.

**** Về trách nhiệm dân sự:***

Ông Trương Quốc H đã nhận đủ 250.000.000 đồng nên không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Bà Thạch Thị Mỹ Nh yêu cầu bị cáo có trách nhiệm trả lại số tiền 60.000.000 đồng.

Bà Phạm Thị H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 80.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Tấn M yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 70.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 288.000.000 đồng.

Ông Huỳnh Thanh T yêu cầu bị cáo trả số tiền 270.000.000 đồng. Bao gồm: 200.000.000 đồng Giao còn nợ và 70.000.000 đồng tiền lợi nhuận mà ông T được hưởng từ hợp đồng mua lúa.

Ông Nguyễn Thành Nh yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 40.000.000 đồng.

Ông Trần Văn Ch yêu cầu bị cáo trả số tiền 74.000.000 đồng. Bao gồm: 70.000.000 đồng Giao lừa và 4.000.000 đồng tiền mượn.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKSHG-P1 ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn G về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố, đề nghị:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn G phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G từ 13 (mười ba) năm đến 14 (mười bốn) năm tù.

Vật chứng: Đề nghị lưu giữ theo hồ sơ vụ án có hợp đồng, tài liệu cơ quan điều tra đã thu giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và các bị hại, buộc bị cáo hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại. Đối với số tiền nợ thuộc quan hệ dân sự đề nghị không xem xét giải quyết chung trong vụ án.

Phát biểu tự bào chữa: Bị cáo không phát biểu bào chữa.

Phát biểu bào chữa cho bị cáo: Người bào chữa thống nhất hành vi của bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Đề nghị

Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; có thỏa thuận khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho hai bị hại; được ba bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; sau thời gian rời địa phương có đến cơ quan chức năng đầu thú để xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng ở mức đầu khung truy tố để bị cáo sớm trở về gia đình đình lao động khắc phục thiệt hại cho bị hại.

Bị hại: Những người có mặt tại phiên tòa ông T, H yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; những người còn lại yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật; những người vắng mặt không phát biểu yêu cầu mới ngoài lời khai tại cơ quan điều tra. Riêng bị hại Trương Quốc H tại cơ quan điều tra có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không ai yêu cầu gì liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Phát biểu đối đáp: Viện kiểm sát cho rằng sau khi bỏ trốn bị cáo đã về địa phương và Cơ quan điều tra phát hiện mời làm việc, nên đề nghị không áp dụng tình tiết bị cáo đầu thú cho bị cáo.

Phát biểu yêu cầu sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về hòa nhập cộng đồng, khắc phục thiệt hại cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét xử vắng mặt: Một số bị hại, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại phiên tòa vắng mặt không lý do. Xét việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

[3]. Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Đối chiếu lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; vật chứng thu giữ; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Do làm ăn thua lỗ, để có tiền trả nợ Ngân hàng và tiêu xài cá nhân, trong năm 2021 bị cáo Nguyễn Văn G nhiều lần đưa ra thông tin gian dối là: Bị cáo đã bao tiêu lúa của nông dân tại các cánh đồng thuộc địa bàn các xã Vĩnh Trung, Vĩnh Tường, Vị Thanh, Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang để các ông, bà Trương Quốc H, Thạch Thị Mỹ Nh, Phạm Thị H, Nguyễn Tấn M, Nguyễn Văn T, Huỳnh Thanh T, Nguyễn Thành Nh và Trần Văn Ch tin tưởng ký hợp đồng đặt cọc mua lúa tươi và chuyển giao cho bị cáo tổng cộng số tiền 1.158.000 đồng. Thực tế bị cáo không bao tiêu lúa của người dân như đã nói, nên khi nhận được tiền bị cáo chiếm đoạt sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Khi đến hạn giao lúa, do không có lúa để giao bị cáo đã làm giấy hện nợ với các bị hại, sau đó vẫn không trả mà cố ý lẩn tránh cho đến khi bị tố giác. Với hành vi bị cáo đã thực hiện như nêu trên, đối chiếu với quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (về sau viết tắt là Bộ luật Hình sự), Hội đồng xét xử xác định: Hành vi dùng thủ đoạn gian dối nói đã bao tiêu lúa của nông dân để được các bị hại tin tưởng giao tiền mua lúa, nhưng thực tế bị cáo không mua lúa mà lấy tiêu tiêu xài cá nhân, sau đó lẩn tránh việc trả lại tiền, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố.

[4]. Về khung hình phạt: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 08 bị hại tổng cộng số tiền là 1.158.000.000 đồng, nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[5]. Xét tính nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả gây ra:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh trật tự tại địa phương; làm cho người dân hoang mang khi tham gia vào các quan hệ hợp đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây thiệt hại cho 08 bị hại số tiền tương đối lớn, nhưng số tiền bị cáo khắc phục sau khi gây án là không nhiều (chưa được một phần hai), làm ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của bị hại, nên cần phải xử lý bằng hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[6]. Về nhân thân: Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng lời nói gian dối để được các

bị hại tin tưởng giao tiền rồi chiếm đoạt sử dụng cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tiền là vi phạm pháp luật và có thể phạm tội, nhưng để thỏa mãn nhu cầu cá nhân của mình bị cáo vẫn thực hiện, nên hành vi của bị cáo được xác định là phạm tội với lỗi cố ý.

[7]. Tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần (08 lần), các lần đều đủ yếu tố cấu thành cơ bản của tội phạm, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[8]. Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; có thỏa thuận bồi thường, khắc phục hậu quả cho 02 bị hại nên được xem xét giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9]. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hậu quả gây ra thiệt hại, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đủ để giáo dục.

[10]. Với những nhận định như nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; thống nhất với yêu cầu bào chữa của người bào chữa cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ như đề nghị. Riêng tình tiết giảm nhẹ đầu thú như đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[11]. Về tang vật chứng: Các hợp đồng mua bán lúa và các giấy tờ liên quan. Là các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[12]. Đối với số tiền 685.485.617 đồng bị cáo khai chiếm đoạt của các bị hại sau đó sử dụng vào mục đích tất toán nợ cho Ngân hàng T chi nhánh huyện Vị Thủy (về sau viết tắt là Ngân hàng) do bị cáo đã vay trước đó. Xét đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có để trả, tuy nhiên quá trình điều tra chứng minh bị cáo có vay tiền của Ngân hàng là thật và khi tất toán tiền cho Ngân hàng, đại diện Ngân hàng không biết số tiền này do bị cáo phạm tội mà có, tức là Ngân hàng ngay tình khi giao dịch nên không buộc thu hồi để trả cho bị hại, mà trách nhiệm hoàn trả tiền chiếm đoạt cho bị hại thuộc về bị cáo.

[13]. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Thạch Thị Mỹ Nh yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 60.000.000 đồng; Phạm Thị H yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 80.000.000 đồng; Nguyễn Tấn M yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 70.000.000 đồng. Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 288.000.000 đồng. Nguyễn Thành Nh yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 40.000.000 đồng. Ông Huỳnh Thanh T yêu cầu bị cáo hoàn trả tổng số tiền

200.000.000 đồng. Ông Trần Văn Ch yêu cầu bị cáo hoàn trả 70.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý hoàn trả số tiền nêu trên cho các bị hại như yêu cầu. Xét thỏa thuận của hai bên là tự nguyện và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận buộc bị cáo có trách nhiệm hoàn trả số tiền nêu trên cho các bị hại theo thỏa thuận.

Ông Trương Quốc H đã nhận đủ số tiền 250.000.000 đồng của bị cáo trả vào tháng 7/2021, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14]. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 268, 269, 292, 293, 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn G phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tính từ ngày 06/6/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm giam tính từ ngày tuyên án ngày 04/4/2023.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu lưu giữ theo hồ sơ vụ án tất cả các hợp đồng và tài liệu đã được cơ quan điều tra thu giữ có trong hồ sơ vụ án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn G có trách nhiệm hoàn trả cho các bị hại tiền mua bán lúa, cụ thể:

- Bà Thạch Thị Mỹ Nh số tiền 60.000.000đ (sáu chục triệu đồng).
- Bà Phạm Thị H số tiền 80.000.000đ (tám chục triệu đồng).
- Ông Nguyễn Tấn M số tiền 70.000.000đ (bảy chục triệu đồng).
- Ông Nguyễn Văn T số tiền 288.000.000đ (hai trăm tám mươi tám triệu đồng).
- Ông Huỳnh Thanh T số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).
- Ông Nguyễn Thành Nh số tiền 40.000.000đ (bốn chục triệu đồng).

- Ông Trần Văn Ch số tiền 70.000.000đ (bảy chục triệu đồng).

Tổng cộng số tiền bị cáo phải hoàn trả cho các bị hại là 808.000.000đ (tám trăm linh tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các điều 23, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn G chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 36.240.000đ (ba mươi sáu triệu hai trăm bốn chục nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi cư trú.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.